

Bản án số: 160/2024/DS – ST

Ngày: 30/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 318/2024/TLST - DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1959. Nơi cư trú: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953. Nơi cư trú: số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người làm chứng do bị đơn triệu tập: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án – nguyên đơn bà Mai Thị L trình bày:

Vào ngày 22/02/2023, bà Nguyễn Thị H có vay của bà số tiền 15.000.000 đồng, thời hạn vay tiền là 10 ngày theo giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023 bà H có ký tên, ghi rõ họ tên trong đó, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận miệng là vay trong vòng 10 ngày với số tiền lãi 500.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi hết thời gian 10 ngày bà H chỉ có trả được cho bà số tiền lãi 500.000 đồng nhưng bà không nhớ được mốc thời gian trả cụ thể. Từ đó đến nay đã hơn một năm nhưng bà H không có trả cho bà

được khoản tiền gốc và lãi nào nữa. Không có chuyện ngày 20/3/2023 bà H trả cho bà số tiền lãi 2.025.000 đồng cùng số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng tại nhà bà H như lời trình bày của bà H. Bà đồng ý có việc bà có cho bà Tám K (tên thật là Hồ Thị K1) vay số tiền 15.000.000 đồng có biên nhận vay tiền riêng và tại nhà của bà, việc vay tiền chỉ có diễn ra giữa bà và bà K1, hoàn toàn không có mặt bà H như lời trình bày của bà H. Trong vụ án này bà chỉ yêu cầu đối với bà H, không đề cập tới bà K1.

Đối với nội dung trình bày trong giấy tường thuật của người làm chứng bà Phạm Thị L1 và Tờ tường thuật của người làm chứng bà Đặng Thị T thì bà có ý kiến là bà chỉ biết bà T là người cùng áp với bà, còn bà L1 thì bà không biết là ai. Bà thừa nhận có lần bà T thấy bà và bà H cãi nhau, chứ lần bà H đánh bà thì bà T không thấy, lời trình bày của bà T và bà L1 thì bà không đồng ý, mong Tòa án xem xét theo đúng quy định của pháp luật.

Mặc dù bà H không thừa nhận có kí tên, viết nội dung trong giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023 nhưng bà khẳng định là bà H có mượn của bà số tiền 15.000.000 đồng, bà không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023. Bà chỉ cho một mình bà H mượn tiền và số tiền nợ này là nợ cá nhân của bà H.

Nên nay bà yêu cầu Tòa giải quyết buộc cá nhân bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Bà xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/02/2023 đến ngày 27/6/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa thụ lý vụ án 28/6/2024 đến ngày xét xử xong vụ án 30/8/2024 là 02 tháng lẻ 02 ngày với số tiền 257.300 đồng với mức lãi suất 0.83%/tháng, bà đồng ý khấu trừ cho bà H số tiền lãi 500.000 đồng trước đó bà H đã trả cho bà.

Theo nội dung bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án – bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thừa nhận bà có mượn bà Mai Thị L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngày 22 tháng 02 năm 2023, khi mượn có nói trong vòng 1 tháng sẽ trả tiền. Khi mượn tiền bà có viết nội dung vay tiền bà L vào trong một cuốn sổ và có kí tên, ghi rõ họ tên của bà trong đó. Kể từ sau khi mượn tiền thì bà L trực tiếp giữ cuốn sổ đó, bà không có giữ. Đối với giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023 do bà L cung cấp cho Tòa thì bà có ý kiến là nội dung chữ viết và chữ ký tên, ghi rõ họ tên của bà trong đó không phải do bà viết ra, nhưng bà không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với giấy mượn tiền đó. Khi mượn tiền thì giữa bà và bà L có thỏa thuận lãi suất là đóng lãi 75.000 đồng/1 ngày trên số tiền gốc 15.000.000 đồng. Kể từ sau khi vay tiền, cứ 05 ngày bà lại đóng lãi cho bà L một lần, cụ thể ngày 26/02/2023 bà đóng được số tiền lãi 375.000 đồng, ngày 03/3/2023 bà đóng lãi 375.000 đồng, ngày 08/3/2023 bà đóng lãi 375.000 đồng, ngày 13/3/2023 bà đóng lãi 375.000 đồng, sau đó đến ngày 20/3/2023 bà có gọi bà L qua nhà bà và bà đã đóng lãi 525.000 đồng cùng với trả toàn bộ khoản nợ gốc 15.000.000 đồng cho bà L

luôn một lần. Tổng số tiền lãi bà đã đóng được cho bà L tính đến ngày 20/3/2023 là 2.025.000 đồng. Ngày 20/3/2023, tại nhà bà còn có mặt bà Tám K (tên thật là Hồ Thị K1) và khi nhận số tiền gốc 15.000.000 đồng từ bà thì bà L đã trực tiếp đưa số tiền đó cho bà K1 vay luôn còn số tiền 525.000 đồng tiền lãi bà đưa thì bà L cầm về. Sau đó bà có biết là bà K1 đã nhiều lần đóng tiền lãi cho bà L nhưng bà K1 đến nay vẫn chưa trả được tiền nợ gốc trên cho bà L. Sau khi bà trả xong hết tiền gốc và lãi cho bà L thì do bà tin tưởng nên không xé biên nhận nợ. Hiện nay do bà L không liên lạc được với bà K1 trả tiền cho bà L nên bà L lại kiện bà ra Tòa.

Nay bà L yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Đồng thời yêu cầu tính tiền lãi kể từ ngày Tòa thụ lý vụ án 28/6/2024 đến ngày Tòa xét xử xong vụ án 30/8/2024 là 02 tháng lẻ 02 ngày với số tiền 257.300 đồng thì bà có ý kiến là bà đã trả toàn bộ cả tiền lãi và gốc cho bà L vào ngày 20/3/2023, hiện nay bà không còn nợ bà L tiền gì cả nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Đương sự là nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị L số tiền nợ gốc là 15.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2024 đến ngày 30/8/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/02/2023 đến ngày 27/6/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng, do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị L về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H trả tiền vay. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đang cư trú tại số nhà A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà **Mai Thị L** yêu cầu bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ trả cho bà **L** số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà **L** có cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà là giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023 có nội dung “*Hôm nay, ngày 22 tháng 2 năm 2023 ... Tôi tên: chị **H**, sinh năm 1953 ... Địa chỉ thường trú: 199/5 **ấp T** ... có mượn của bà: **Mai Thị L**, sinh năm 1959 ... Địa chỉ thường trú: 109/5 **ấp T, xã T, T, Bến Tre**. Số tiền: 15.000.000đ. Bằng chữ: 15 triệu mười lăm triệu đồng ... Thời điểm mượn tiền: là 10 ngày trở lại ...*” Tại mục bên cho mượn tiền có chữ ký tên, ghi họ tên của bà **Mai Thị L** và tại mục bên mượn tiền có chữ ký tên, ghi họ tên của bà **Nguyễn Thị H**. Bà **H** thừa nhận có vay của bà **L** số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bà **H** cho rằng bà đã trả xong hết tiền gốc và tiền lãi cho bà **L** nên hiện nay bà không còn nợ bà **L** khoản tiền nào cả.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà **H** thừa nhận có mượn của bà **L** số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Bà cho rằng khi mượn tiền bà có viết nội dung vay tiền bà **L** vào trong một cuốn sổ và có kí tên, ghi rõ họ tên của bà trong đó. Kể từ sau khi mượn tiền thì bà **L** trực tiếp giữ cuốn sổ đó, bà không có giữ. Đối với giấy mượn tiền đề ngày 22/02/2023 do bà **L** cung cấp cho Tòa thì bà có ý kiến là nội dung chữ viết và chữ ký tên, ghi rõ họ tên của bà trong đó không phải do bà viết ra, nhưng bà không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết đối với giấy mượn tiền đó. Bà **H** cho rằng bà đã trả xong hết tiền gốc và tiền lãi cho bà **L** nên hiện nay bà không còn nợ bà **L** khoản tiền nào cả. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà **H** cung cấp chứng cứ chứng minh về việc bà đã trả xong hết tiền gốc và tiền lãi cho bà **L** và hiện nay bà không còn nợ bà **L** khoản tiền nào cả. Tuy nhiên, bà **H** không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Tại tòa, người làm chứng bà **Lê Thị H1** cho rằng do bà có mở quán ăn, bà **L** và bà **H** có thường đến quán của bà nên bà có thấy bà **H** trả tiền lãi cho bà **L** hai lần, lần thứ nhất nói là trả lãi 04 ngày với số tiền 280.000 đồng, lần thứ hai nói là trả lãi 05 ngày với số tiền 355.000 đồng. Sau đó nữa thì bà **L** có ghé quán của bà có nói cho bà nghe là bà **H** nói đưa bà **K1** lấy lãi 5000 đồng nhưng bà không chịu, còn bà **H** sau đó cũng có qua quán rồi nói với bà là nói kêu bà **L** lấy lãi bà **K1** 5.000 đồng mà lấy 10.000 đồng cao quá. Còn việc khi bà **H** mượn tiền bà **L** rồi trả hết số tiền gốc và số tiền lãi còn lại cho bà **L** khi nào thì bà không biết, bà không có chứng kiến cũng như không nhìn thấy.

Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Nguyễn Thị H** có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, lấy lời khai đối với người làm chứng là bà **Hồ Thị K1**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **số nhà A, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre** với lí do bà cho rằng khi bà trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà **L** tại nhà của bà vào ngày 20/3/2023 thì ngay khi đó bà **L** đã cho bà **K1** vay lại số tiền gốc 15.000.000 đồng mà bà đã trả cho bà **L**. Tòa án đã nhiều lần đến liên hệ làm việc để xác minh, lấy lời khai đối với

người làm chứng là bà K1 tại địa chỉ do bà H cung cấp. Tuy nhiên, bà K1 đều không có mặt ở nhà, Tòa án không thể liên hệ được với bà K1 để làm việc. Mặt khác, qua xác nhận của Công an xã T, huyện T thì bà Hồ Thị K1, sinh năm 1970; Nơi thường trú: số nhà A, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre không có mặt tại địa phương nơi cư trú. Bà K1 đã bỏ địa phương đi cách nay hơn 01 (một) năm, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể do bà K1 không có liên lạc về gia đình. Qua quản lý công tác cư trú trên địa bàn, hiện chưa ghi nhận bà K1 có cư trú trên địa bàn nào khác. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ nơi cư trú mới hiện nay của bà Hồ Thị K1 nhưng bà H có đơn trình bày ý kiến rằng bà chỉ biết duy nhất địa chỉ bà Hồ Thị K1 sinh sống là số nhà A, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, ngoài ra hiện nay bà không biết bà Hồ Thị K1 đang cư trú tại địa chỉ mới nào khác. Do đó bà không thể cung cấp được địa chỉ mới nào khác của bà K1 và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án.

Mặt khác, qua lời khai người làm chứng là bà Đặng Thị T thì bà T cho rằng vào năm 2023 bà đi bán vé số có nghe bà L và bà H cãi cọ vụ tiền 15.000.000 đồng của bà K1. Bà H nói với bà L: “Tao trả mày rồi, mày cho bà T1 Khoản mượn mày lấy lời mấy tháng rồi, bây giờ mày đòi tao”, rồi hai bên đánh lộn với nhau. Lúc đó có bà Tám K ở đó, bà H đánh trúng bà Tám K. Bà T nghe bà Tám K nói: “Tiền này chị N trả cho chị rồi, chị cho em mượn chị lấy lời mấy tháng nay, từ đây về sau chị đừng đòi chị N nữa”. Sau đó hai người lên tới đèn xanh đèn đỏ, bà thấy bà K đưa tiền cho bà L. Còn người làm chứng bà Phạm Thị L1 cho rằng vào năm 2023 lúc bà Tám K chưa đi Thành phố Hồ Chí Minh làm, bà Tám K có kể cho bà nghe việc bà Nguyễn Thị H có trả cho bà L 15.000.000 đồng. Bà L cho bà K mượn, bà hỏi bà T1 Khoản mỗi ngày đóng lãi bao nhiêu thì bà K có nói 15.000.000 đồng mỗi ngày đóng 75.000 đồng. Sự việc bà chỉ nghe bà K kể vậy thôi chứ tiền bạc đưa qua ai hay trả cho ai thì bà không thấy. Đối với lời trình bày của người làm chứng bà T và bà L1 thì đều chỉ thông qua nghe thấy và nghe nói lại chứ không biết rõ cụ thể việc bà H vay tiền của bà L thế nào và trả ra sao.

Từ những căn cứ trên, việc bà Mai Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả cho bà L số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ngoài số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), bà L còn yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền lãi tính từ ngày 28/6/2024 đến ngày xét xử xong vụ án 30/8/2024 là 02 tháng lẻ 02 ngày với số tiền lãi là 257.300 đồng. Còn bà H không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Xét thấy, do bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L, nên việc bà L yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày 28/6/2024 đến ngày xét xử xong vụ án 30/8/2024 là 02 tháng lẻ 02 ngày với số tiền lãi là 257.300 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền gốc và lãi bà **H** có nghĩa vụ trả cho bà **L** là 15.257.300 đồng. Bà **L** đồng ý khấu trừ số tiền lãi 500.000 đồng trước đó bà **L** có nhận của bà **H**. Như vậy, số tiền còn lại bà **H** có nghĩa vụ trả cho bà **L** là 14.757.300 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm đồng).

[4] Đối với số tiền lãi tính từ ngày 22/02/2023 đến ngày 27/6/2024 là 16 tháng lẻ 5 ngày với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 2.012.750 đồng, bà **L** có yêu cầu rút lại yêu cầu tính lãi số tiền này, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất của nguyên đơn từ ngày 22/02/2023 đến ngày 27/6/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền lãi 2.012.750 đồng.

[5] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị đơn bà **Nguyễn Thị H** phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 737.865 đồng (bảy trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng) nhưng được miễn nộp do bà **H** thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 92, 147, 217 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị L**. Buộc bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ trả cho bà **Mai Thị L** số tiền 14.757.300 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Mai Thị L** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị H** nghĩa vụ trả cho bà **L** số tiền lãi tính từ ngày 22/02/2023 đến ngày 27/6/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng với số tiền 2.012.750 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 737.865 đồng (bảy trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm sáu mươi lăm đồng) nhưng được miễn nộp do bà H thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên